

**THƯ MỜI**  
**Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

**1. Thời gian khai mạc: 9 giờ 00 phút, thứ Hai, ngày 30 tháng 5 năm 2022**

**2. Địa điểm tổ chức Đại hội:** Hội trường Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại,  
Km 28, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**3. Thủ tục tham dự Đại hội:**

Cổ đông/đại diện cổ đông khi đến dự họp Đại hội vui lòng đem theo chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu, giấy ủy quyền (nếu có).

**4. Nội dung chương trình Đại hội dự kiến:**

- Báo cáo tài chính năm 2021;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021;
- Các nội dung liên quan khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

**5. Tài liệu Đại hội đồng cổ đông:** Quý cổ đông vui lòng xem trên website của Công ty [www.ppc.evn.vn](http://www.ppc.evn.vn) từ ngày 08/5/2022.

**6. Đăng ký dự họp:**

Đề công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự họp Đại hội trước **16 giờ 00** ngày **29/5/2022** qua điện thoại, email, fax hoặc gửi thư theo địa chỉ:

**Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

**Km 28, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;**

- Email: [hungnpsa@gmail.com](mailto:hungnpsa@gmail.com) - Fax: 02203 881338

- Điện thoại: 0969 570896 (gặp ông Hoàng Văn Phong - TP TCLĐ) ;

0913 521481 (gặp ông Nguyễn Gia Hùng - Phó TP TCLĐ).

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nơi nhận:**

- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT, TCLĐ;

**Nguyễn Xuân Diện**

**DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
 (ngày 30/5/2022)

TT	T.gian	Nội dung
1	8:00	Đón tiếp đại biểu
2	9:00	Khai mạc Đại hội: - Chào cờ; - Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu; - Giới thiệu Đoàn chủ tọa Đại hội.
3	9:05	- Thông qua chương trình Đại hội;
4	9:10	- Thông qua Quy chế Đại hội; - Thông qua Thể lệ biểu quyết; - Thông qua Quy chế bầu cử.
5	9:20	Giới thiệu và xin ý kiến biểu quyết nhân sự: - Ban thư ký Đại hội; - Ban kiểm phiếu.
6	9:30	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội
7	9:35	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022
8	9:50	Báo cáo tài chính năm 2021
9	10:00	Báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán viên độc lập
10	10:10	Báo cáo tình hình kiểm soát công ty năm 2021 của Ban kiểm soát; Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2022.
11	10:20	Báo cáo của HĐQT về thực hiện nhiệm vụ quản trị công ty năm 2021
12	10:30	Báo cáo phân phối lợi nhuận, mức cổ tức năm 2021 và dự kiến mức cổ tức năm 2022
13	10:35	Báo cáo mức lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2021; Đề xuất mức lương, thù lao năm 2022.
14	10:40	Báo cáo Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Các Tờ trình liên quan.
15	10:50	Đại biểu tham luận, phát biểu ý kiến
16	11:05	Đại hội biểu quyết: 1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2021; 2. Thông qua kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022; 3. Thông qua phân phối lợi nhuận, mức chia cổ tức năm 2021 và dự kiến mức cổ tức năm 2022; 4. Thông qua mức lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2021; Dự kiến mức lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2022; 5. Phê chuẩn lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2022; 6. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát; 7. Thông qua báo cáo của HĐQT; 8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; 9. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; 10. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài Kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2022 hoặc các vấn đề nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD năm 2023 được tổ chức, và phải báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất, trừ các trường hợp bắt buộc phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp.

TT	T.gian	Nội dung
17	11:15	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
18	11:20	Miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026. 1. Báo cáo công tác nhân sự HĐQT, BKS; 2. Biểu quyết miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS; 3. Biểu quyết danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS; 4. Giới thiệu Ban kiểm phiếu lên làm nhiệm vụ bầu cử;
19	11:30	Đại biểu tham luận, phát biểu ý kiến
20	11:45	Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS; Thành viên HĐQT, BKS mới ra mắt
21	11:50	Công bố dự thảo Nghị quyết Đại hội
22	11:55	Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội
23	12:00	Bế mạc, chào cờ

**BAN TỔ CHỨC**

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (sau đây gọi tắt là Đại hội).

**Điều 2.** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông/Người được ủy quyền tham dự Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

**Điều 3.** Cổ đông/Người được ủy quyền tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham gia dự Đại hội:

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

Người trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể gửi Phiếu đăng ký tham dự họp Đại hội đến Văn phòng Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại trước ngày tổ chức Đại hội (gửi trực tiếp hay theo đường bưu điện hoặc Fax, email). Trường hợp người dự họp là người được ủy quyền phải gửi kèm theo giấy ủy quyền quy định của pháp luật hiện hành.

3. Mỗi cổ đông hoặc Người được ủy quyền khi tham gia họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình: Thông báo mời họp và giấy tờ tùy thân (CMND/CCCD hay Hộ chiếu...) đăng ký với Ban tổ chức Đại hội và được nhận Thẻ biểu quyết cùng bộ tài liệu Đại hội.

4. Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sẽ thông báo công khai chương trình Đại hội, báo cáo tài chính, báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, ... Những ý kiến của các cổ đông hoặc thông qua đại diện ủy quyền tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai.

5. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông sẽ nghe các báo cáo được nêu trong chương trình của Đại hội, cùng thảo luận và thông qua từng nội dung bằng hình thức biểu quyết giờ thẻ.

6. Cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp đã khai mạc, phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

7. Nghiêm túc chấp hành Quy định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tọa Đại hội.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, Ban kiểm phiếu.**

1. Ban tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị công ty quyết định. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm triệu tập, đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu và Thẻ biểu quyết cho những cổ đông/Người được ủy quyền có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (*sau đây gọi là Ban kiểm tra tư cách cổ đông*) do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ những người tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu do Đại hội biểu quyết thông qua; thành viên Ban kiểm phiếu là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách đề cử hay ứng cử vào Hội đồng quản trị (HĐQT) hay Ban Kiểm soát (BKS).

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Thẻ biểu quyết sau khi đã biểu quyết xong các nội dung, kiểm phiếu biểu quyết để công bố công khai kết quả kiểm phiếu.

Mọi công việc kiểm tra và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành một cách trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tọa và Thư ký Đại hội:**

1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và một số thành viên HĐQT do chủ tọa Đại hội cử.

Ban thư ký Đại hội do chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Đoàn chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì Đại hội. Quyết định của Đoàn chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết.

3. Đoàn chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Đoàn chủ tọa Đại hội cũng có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:

a) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

b) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của chủ tọa Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

### **CHƯƠNG III**

#### **TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

**Điều 7.** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

## **Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội**

1. Đại hội sẽ lần lượt được nghe các báo cáo theo chương trình của Đại hội và thảo luận biểu quyết thông qua các báo cáo trên. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo Thẻ lệ biểu quyết.

2. Việc ứng cử và đề cử để bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

## **Điều 9. Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được gửi, lưu giữ theo quy định.

## **CHƯƠNG IV**

### **ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

**Điều 10.** Mọi vấn đề về tổ chức Đại hội, trì hoãn hay triệu tập lại đều được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

**Điều 11.** Chi phí cho việc đi lại, ăn nghỉ của các cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại do các cổ đông tự túc.

## **CHƯƠNG V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 12.** Quy chế này gồm 5 Chương 12 Điều, được Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2022 và có hiệu lực để thực hiện công tác chuẩn bị và tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại./.

**TM. BAN TỔ CHỨC  
TRƯỞNG BAN**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCLĐ.

Chủ tịch HĐQT  
**Nguyễn Văn Thủy**

**QUY ĐỊNH**  
**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;  
Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-PPC ngày 18/03/2022 của Hội đồng quản trị về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.*

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
**QUY ĐỊNH:**

**1. Đối tượng có quyền biểu quyết:**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và/hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông tính đến ngày đăng ký cuối cùng 25/04/2022) dưới đây gọi là “Đại biểu”.

**2. Phiếu biểu quyết:** Các Đại biểu tham dự Đại hội sẽ được cấp Thẻ biểu quyết có dấu của công ty (kèm theo tài liệu Đại hội), trên Thẻ biểu quyết có ghi mã cổ đông, tên cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện.

**3. Nguyên tắc biểu quyết:**

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết.

**4. Cách thức biểu quyết:**

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến cho từng vấn đề biểu quyết.

4.1. Việc thông qua chương trình Đại hội, Quy chế đại hội, Thẻ lệ biểu quyết, Quy chế bầu cử, bầu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội, miễn nhiệm, danh sách ứng cử thành viên HĐQT/kiểm soát viên, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết chung. Đoàn chủ tọa sẽ thống kê lại số cổ phần biểu quyết tán thành/số cổ phần biểu quyết không tán thành và không có ý kiến.

4.2. Các Nghị quyết, quyết định khác được thực hiện biểu quyết bằng cách các cổ đông sẽ thể hiện ý kiến của mình vào những ô thích hợp tương



ứng với từng nội dung được ghi trong phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ thu lại phiếu biểu quyết để kiểm đếm và công bố công khai tại Đại hội.

**5. Phiếu không hợp lệ:**

- Không theo mẫu quy định của Công ty;
- Không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;
- Bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
- Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một vấn đề biểu quyết.

**6. Hiệu lực biểu quyết:**

Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Nghị quyết, quyết định khác của Đại hội chỉ có giá trị khi có trên 51% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội chấp thuận. Riêng thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty và các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ của Công ty phải được từ 65% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội chấp thuận.

**7. Khiếu nại, thắc mắc:**

Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Đoàn chủ tịch Đại hội sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội./.

**TM. BAN TỔ CHỨC  
TRƯỞNG BAN**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCLĐ.

**CHỦ TỊCH HĐQT  
Nguyễn Văn Thủy**

**QUY CHẾ BẦU CỬ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;  
Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-PPC ngày 18/03/2022 của Hội đồng quản trị về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.*

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI  
QUYẾT ĐỊNH:**

Thông qua Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với các nội dung như sau:

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại phải được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

2. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được phát phiếu bầu cử, trên phiếu ghi rõ tên cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần mà cổ đông đó đại diện, tổng số phiếu biểu quyết, danh sách ứng viên HĐQT/BKS (có đóng dấu của Công ty phía trên bên trái) do Công ty phát hành.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Khi bầu cử, cổ đông có thể lựa chọn một trong hai cách:

Cách 1: Số phiếu bầu hết cho ứng cử viên bằng cách đánh dấu “x” hoặc “✓” vào cột “Số phiếu bầu”.

Cách 2: Ghi vào cột “Số phiếu bầu” số phiếu biểu quyết mà mình bầu cho ứng cử viên.

Trường hợp do nhầm lẫn (trong khi chưa bỏ phiếu) thì người bầu thông báo cho Ban kiểm phiếu xin đổi lại phiếu bầu.

5. Phiếu bầu cử hợp lệ là phiếu bầu:

- Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Đánh dấu “x” hoặc “✓” (theo cách 1) hoặc ghi số phiếu bầu (theo cách 2).

6. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu bầu thuộc một trong các trường hợp:

- Phiếu không do Công ty phát hành, không có dấu của Công ty;

- Phiếu có tên người ngoài danh sách ứng cử/đề cử đã được Đại hội thông qua; ghi thêm những thông tin khác;

- Phiếu có tổng cộng phiếu bầu lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết ghi trên phiếu.

- Phiếu gạch xóa tên người ứng cử/đề cử.

7. Thành viên HĐQT/BKS chỉ trúng cử khi có trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội bầu.

8. Đại hội bầu ra Ban kiểm phiếu để điều khiển việc bầu cử theo quy định của Quy chế này. Ban kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải đảm bảo bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, niêm phong các phiếu bầu cử, giao lại cho Ban tổ chức Đại hội.

9. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định./.

**TM. BAN TỔ CHỨC  
TRƯỞNG BAN**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;

- Lưu: VT, HĐQT.

**CHỦ TỊCH HĐQT  
Nguyễn Văn Thủy**

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty;

Căn cứ vào kế hoạch cung cấp điện và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được Tổng Công ty phát điện 2 giao năm 2022;

Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và dự kiến Kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

**I. Kết quả thực hiện SXKD năm 2021**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh với KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất		4.402,67	2.965,62	67,36
	DC1	Triệu kWh	816,51	1.086,58	133,08
	DC2	Triệu kWh	3.586,16	1.879,04	52,40
2	Sản lượng điện bán (EVN)		3.989,85	2.682,79	67,24
	DC1	Triệu kWh	726,45	962,38	132,48
	DC2	Triệu kWh	3.263,40	1.720,41	52,72
3	Tổng doanh thu	tỷ đồng	5.658,11	4.390,64	77,60
	Doanh thu từ sản xuất điện	tỷ đồng	5.398,76	3.856,75	71,44
	Doanh thu hoạt động tài chính	tỷ đồng	238,21	452,37	189,90
	Doanh thu hoạt động, sx khác	tỷ đồng	21,14	81,52	385,62
4	Tổng chi phí	tỷ đồng	5.243,51	4.213,37	80,35
	Chi phí từ sản xuất điện	tỷ đồng	5.233,59	4.187,41	80,01
	Chi phí hoạt động tài chính	tỷ đồng	3,90	- 24,08	- 617,44
	Chi phí hoạt động, sx khác	tỷ đồng	6,02	50,03	831,06
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	414,59	177,27	42,76
	Lợi nhuận từ sản xuất điện	tỷ đồng	165,16	- 330,66	- 200,21
	Lợi nhuận hoạt động tài chính	tỷ đồng	234,31	476,45	203,34
	Lợi nhuận hoạt động, sx khác	tỷ đồng	15,12	31,48	208,20

**1. Tình hình sản xuất**

Ngay từ đầu năm, Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng phương án vận hành sản xuất trên cơ sở củng cố tốt các tổ máy để đảm bảo hệ số khả dụng cao nhất và đảm bảo công suất phát tối đa khi hệ thống yêu cầu.

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện chào giá và bám sát công tác thị trường điện để đảm bảo các tổ máy phát theo huy động công suất của hệ thống điện. Tuy nhiên, do diễn biến phức tạp của thiên tai, dịch bệnh, thêm vào đó là do các nhà máy điện mặt trời đồng loạt đưa vào vận hành thương mại dẫn đến thừa nguồn, các nhà máy nhiệt điện than huy động tải thấp.

Phả Lại 1:

Dây chuyền 1 thiết bị xuống cấp nghiêm trọng, các thiết bị áp lực, hệ thống lọc bụi tĩnh điện, hệ thống nghiền than, thùng nghiền, máy nghiền vv... đều đến thời điểm cần thay thế.

Một số tháng đầu năm và các tháng mùa mưa giá điện thấp, hệ thống huy động thấp ưu tiên huy động thủy điện. Đồng thời, chịu ảnh hưởng bởi sự cố phải dừng tổ máy trong tháng 5 (*sự cố mất điện phân đoạn 2CA ngày 09/5 và sự cố MN 2B ngày 20/5. Giảm sản lượng khoảng 2,4 triệu kWh*). Các tháng còn lại bám sát biểu đồ Qc, có tháng phát vượt so với kế hoạch, tuy nhiên do sản lượng kế hoạch được giao ngay từ đầu năm giao thấp.

Phả Lại 2:

Ảnh hưởng sự cố khối 6 ngày 16/3/2021, vì vậy khối 6 từ tháng 3 không phát điện. Thời điểm hiện tại công tác khắc phục sự cố S6 đang trong quá trình thực hiện, dự kiến tiến độ đưa tổ máy S6 vận hành trước 01/9/2022.

S5 đăng ký đại tu từ 01/10/2021, tuy nhiên theo nhu cầu của hệ thống nên tách ra sửa chữa từ 15/10/2021 và lên khối vào ngày 13/12/2021.

Những yếu tố đã nêu trên tác động lớn đến sản lượng điện của Công ty không đạt kế hoạch đề ra.

## **2. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận**

Trong năm, Đảm bảo vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, cân đối sử dụng dòng tiền, thực hiện hiệu quả công tác xử lý và thu hồi công nợ tồn đọng lâu năm, thực hiện nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đúng hạn quy định.

Tổng doanh thu năm 2021 đạt 4.390,65 tỷ đồng bằng 77,60%/KH. Tổng chi phí năm 2021 là 4.213,37 tỷ đồng bằng 80,35%/KH.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 117,27 tỷ đồng đạt 42,76% KH, trong đó, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất điện là - 330,66 tỷ đồng, lợi nhuận từ hoạt động tài chính đạt 476,45 tỷ đồng, bằng 203,34% so với kế hoạch.

Lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra, nguyên nhân chính:

- Ảnh hưởng sự cố khối 6 ngày 16/3/2021, vì vậy khối 6 từ tháng 3 không phát điện kéo theo sản lượng Hợp đồng Phả Lại 2 bị cắt giảm.

- Khối 5 đăng ký đại tu từ 01/10/2021, tuy nhiên theo nhu cầu của hệ thống nên tách sửa chữa ngày 15/10/2021 và lên khối vào ngày 13/12/2021.

Tuy nhiên, công tác tài chính của Công ty có những khó khăn như: giá trị hàng tồn kho lớn gây ứ đọng vốn; chi phí nhiên liệu, thuế tài nguyên và chi phí dịch vụ mua

ngoài điều tăng; nhu cầu về vốn để Công ty thực hiện các Dự án môi trường hai dây chuyên là rất lớn, đồng thời phát sinh thêm chi phí khắc phục sự cố S6.

### **3. Đầu tư tài chính**

Đầu tư tài chính Đầu tư ngắn hạn: Bao gồm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng. Đến ngày 31/12/2021 số tiền gửi từ 3 tháng đến 12 tháng là 1.115 tỷ đồng và nhận lãi từ các hợp đồng tiền gửi là: 46,93 tỷ đồng. Khoản tiền cho GENCO 2 huy động vốn là: 188,16 tỷ đồng (ngắn hạn) Trong năm 2021, EVN đã trả nợ toàn bộ khoản huy động vốn từ PPC với số tiền là: 175 tỷ đồng. PPC nhận lãi từ các khoản cho vay 23,25 tỷ đồng.

Đầu tư dài hạn: Các khoản đầu tư dài hạn đến 31/12/2021 tổng giá trị đầu tư góp vốn vào các dự án điện là: 2.535,9 tỷ đồng. Trong năm 2021, PPC nhận được cổ tức của các khoản đầu tư dài hạn này là: 382,19 tỷ đồng.

Kế hoạch dòng tiền: Hàng tháng, hàng tuần Công ty cân đối và sử dụng nguồn tiền có hiệu quả đảm bảo vốn kịp thời, đầy đủ phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản tiền nhàn rỗi, PPC thực hiện mời các Tổ chức tín dụng gửi bản chào lãi suất và lựa chọn gửi tiền tại các Tổ chức tín dụng có uy tín và lãi suất cạnh tranh để tăng lợi nhuận cho công ty.

### **4. Công tác sửa chữa lớn**

Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2021, với giá trị kế hoạch là 432 tỷ đồng và các công trình sửa chữa thường xuyên.

Công tác đại tu khối 5 do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên thực hiện chuyển tiếp từ năm 2020 sang năm 2021, công tác sửa chữa tổ máy S5 đã hoàn thành và lên khối vào ngày 13/12/2021. Giá trị sửa chữa lớn thực hiện năm 2021 là 382,22 tỷ đồng.

Công tác sửa chữa thường xuyên chủ động trong lập lịch bảo dưỡng, kiểm tra thiết bị tận dụng thời gian huy động thấp đăng ký tách thiết bị để tổ chức kiểm tra, bảo trì sẵn sàng cho các đợt cao điểm được huy động.

Đối với sửa chữa khắc phục sự cố S6, gói thầu “Sửa chữa khắc phục sự cố Tuabin-máy phát S6 dây chuyên 2 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại”, hiện tại đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu. PPC sẽ nỗ lực cao nhất trong việc thực hiện lựa chọn nhà thầu, tổ chức triển khai thi công: làm việc thêm giờ (kể cả các ngày nghỉ, ngày lễ), liên tục bám sát quá trình triển khai các công việc để kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc (nếu có) để đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ công tác sửa chữa, khắc phục tuabin máy phát S6.

### **6. Công tác thị trường điện**

Công tác thị trường điện phối hợp chặt chẽ với công tác sản xuất, lập kế hoạch vận hành theo thị trường phù hợp với tình trạng thiết bị và xu thế thị trường. Áp dụng tốt ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc phân tích thị trường, tính toán tối ưu và kịp thời cảnh báo sản lượng  $Q_{du}$  cho vận hành.

Chiến lược chào giá phù hợp trong giai đoạn khó khăn là ưu tiên bám lưới trên  $Q_c$  để duy trì vận hành ổn định và đảm bảo doanh thu đủ bù cho chi phí của hai dây

chuyên, các tổ máy dự phòng tốt, khởi động thành công, giúp mang lại doanh thu CfD đáng kể.

## **7. Công tác tổ chức, lao động**

Nhằm thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp định biên, mô hình tổ chức theo đúng mô hình tổ chức và định biên lao động đã được EVN và EVNGENCO2 thông qua. Năm 2021, Công ty đã lập kế hoạch và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp đảm bảo tiến độ thực hiện định biên lao động được giao. Đến nay về cơ bản, cơ cấu tổ chức và định biên của Công ty đã dần đảm bảo được kế hoạch và mục tiêu đặt ra. Tính đến hết 31/12/2021, Công ty đã đạt kế hoạch lao động theo định biên được giao là 838 lao động. Tuy nhiên, chỉ tiêu năng suất lao động theo sản lượng điện sản xuất chưa đạt, nguyên nhân do sản lượng điện sản xuất không đạt kế hoạch như đã nêu ở trên.

Năm 2021, Công ty đã cơ bản đảm bảo tiền lương và việc làm cho người lao động. Các chế độ tiền lương, thu nhập của người lao động được thực hiện đúng theo quy định và theo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm của công ty.

Các chế độ, chính sách liên quan đến lao động như: chế độ bảo hiểm xã hội, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi... của người lao động được đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và thỏa ước lao động tập thể.

## **8. Chuyển đổi số**

Năm 2021, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và tận dụng có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy nhanh chuyển đổi số trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực lý thuật sản xuất. Hiện, Công ty đang tiến hành thủ tục mời đơn vị tư vấn có đủ năng lực chuyên môn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đối với 02 công trình dự kiến áp dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất làm căn cứ phê duyệt chủ trương đầu tư: Công trình: Cải tạo trạm bơm sản xuất, cứu hỏa Dây chuyền 1 sang trạm không người trực sử dụng công nghệ điều khiển số thay thế công nghệ Analog; Công trình: Nâng cấp hệ thống điều khiển băng tải than Dây chuyền 1 từ Analog sang điều khiển số, giám sát thông minh. Năm 2021 Công ty hiện đã triển khai phân tích RCM xong 05 hệ thống (năm 2020 là 03 hệ thống). Triển khai xây dựng cây thư mục thiết bị Pmiss, kết thúc năm 2021 đã đạt được lượng nhập dữ liệu là 34.107 hệ thống/thiết bị, đánh giá dữ liệu nhập đạt  $85\%/90\% = 94.44\%$ .

Sử dụng phần mềm D-office cũng như các phần mềm ứng dụng khác trong công việc, tăng cường áp dụng chữ ký số, áp dụng hóa đơn điện tử, hạn chế sử dụng văn bản giấy trong nội bộ công ty, khuyến khích toàn thể người lao động sáng tạo, sáng kiến, áp dụng công nghệ khoa học vào lao động sản xuất,...

## **9. Công tác phòng, chống dịch Covid-19**

Về công tác phòng chống dịch, Covid-19, Công ty đã thành lập ban chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, EVN và EVNGENCO2 trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, trong đó:

+ Tăng cường công tác phòng chống dịch tại nơi làm việc, rà soát dịch tễ cho toàn thể CBCNV. Xây dựng phương án làm việc từ xa, họp trực tuyến... đồng thời hệ thống truyền hình trực tuyến, hệ thống D-Office, và các hệ thống phần mềm dùng

chung đã đóng góp vai trò quan trọng giúp cho các hoạt động của Công ty được thông suốt.

+ Xây dựng và thực hiện tốt các kịch bản, các phương án đảm bảo các hoạt động trong tất cả các khâu sản xuất điện. Chủ động phương án đảm bảo nhiên liệu, vật tư thiết bị cho sản xuất.

## **II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022**

Nhận định năm 2022 sẽ là một năm nhiều khó khăn, thách thức như:

### **1. Vận hành và sản xuất**

Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, đồng thời điều kiện thời tiết tự nhiên, đặc biệt sự ảnh hưởng tăng lên của nhiệt độ nước tuần hoàn làm mất bình ngưng và thay đổi đặc tính kỹ thuật của than đốt lò, tác động đến hiệu suất nhiệt của tổ máy và làm ảnh hưởng đến quá trình cháy nhiên liệu trong buồng đốt và hiệu quả truyền nhiệt.

Sự cố S6 mất phương thức, tác động không nhỏ khả năng sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **2. Tình trạng thiết bị**

DC1 đã hết đời sống KTKT, Thiết bị DC1 xuống cấp nghiêm trọng, các ống áp lực lò hơi mòn mỏng cần được quan tâm để giảm suất sự cố, HT khử bụi tĩnh điện hư hỏng;

### **3. Cơ cấu lao động**

Độ tuổi bình quân lao động của Công ty hiện nay là 46 tuổi, đang ở mức cao so với các nhà máy điện trong ngành. Trong năm 2021, ngoài 12 người nghỉ hưu theo kế hoạch, còn có 250 người đủ điều kiện nghỉ hưu (đang làm việc tại các chức danh trong dây chuyền sản xuất) chiếm tỷ lệ 31,3% số LĐ toàn công ty. Số LĐ này có thể nghỉ hưu bất cứ thời điểm nào nên gây khó khăn cho Công ty trong việc chủ động đào tạo, bố trí sắp xếp và tuyển dụng lao động thay thế.

Với nhận định, đánh giá tình hình như trên, căn cứ vào kế hoạch cung cấp điện và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được Tổng Công ty phát điện 2 giao năm 2022 và tình hình thực tế thiết bị, trên cơ sở sử dụng tối đa có thể năng lực các tổ máy, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại dự kiến một số chỉ tiêu chính chính Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

## **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

### **1.1. Sản lượng điện**

- Điện năng sản xuất	: 4.043,02 triệu kWh.
Trong đó: + Dây chuyền 1	: 1.542,31 triệu kWh
+ Dây chuyền 2	: 2.500,70 triệu kWh
- Điện năng bán cho EVN	: 3.647,84 triệu kWh.
Trong đó: + Dây chuyền 1	: 1.372,20 triệu kWh



+ Dây chuyền 2 : 2.275,64 triệu kWh

**1.2. Kế hoạch sửa chữa lớn : 464,95 tỷ đồng (đã thực hiện triết giảm 20%)**

**1.3. Kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản cố định: 356,595 tỷ đồng**

**1.4. Tổng doanh thu và lợi nhuận**

- Doanh thu	: 5.427,60	tỷ đồng
- Chi phí	: 5.149,75	tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 277,85	tỷ đồng

(Đã bao gồm phần đầu tiết giảm 10% chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác, tiết giảm 20% chi phí sửa chữa lớn và phần đầu tiết kiệm chi phí để đảm bảo hoạt động SXKD điện không bị lỗ).

**1.5. Cổ tức: 6% vốn điều lệ**

## **2. Một số giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm**

### **2.1. Công tác vận hành và quản lý thiết bị**

Công ty xác định tập trung tối đa nguồn lực vào việc sửa chữa tuabin-máy phát 6

Tận dụng thời gian ngừng dự phòng tổ máy nhiều, thời gian tiêu tu các khối triển khai vệ sinh bảo dưỡng các thiết bị nhằm tăng độ tin cậy.

Trong vận hành để đảm bảo ổn định tổ máy đáp ứng yêu cầu thay đổi tải liên tục của thị trường, Công ty ưu tiên tính tin cậy, ổn định vận hành, vì vậy việc thực hiện nhằm giảm các chỉ tiêu KTKT rất hạn chế

Nâng cao chất lượng kỷ luật vận hành và ý thức kỷ luật lao động. Tăng cường kiểm tra thiết bị trong quá trình làm việc để kịp thời phát hiện những hư hỏng của thiết bị có thể gây ra sự cố.

### **2.2. Thị trường điện**

Phải đảm bảo tiêu chí chỉ phát điện khi bán có lãi hoặc thấp nhất là đủ chi phí biến đổi thực tế, không để phát sinh sản lượng điện phát thừa không có thu hoặc bị phạt do không đủ sản lượng theo bản chào.

Tổ máy S6 sự cố kéo dài, bị điều chỉnh Qc về thực phát khi phát dưới Qc. Tổ máy S5 có chi phí giá thành thấp, có mức cạnh tranh tốt trên thị trường điện. Chiến lược chào giá là ưu tiên bám lưới đảm bảo an toàn thiết bị, duy trì vận hành liên tục. Tùy theo diễn biến giá thị trường điện có thể chào bám lưới cao hơn Qc trong phạm vi đảm bảo doanh thu không nhỏ hơn chi phí.

### **2.3. Công tác tổ chức lao động**

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức lao động là sắp xếp mô hình quản lý và định biên lao động đã được phê duyệt, không gây sáo trộn cho người lao động và ổn định mọi hoạt động của Công ty.

Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chức danh đối với lực lượng vận hành và chuyên môn nghiệp vụ đối với các phòng ban, chức

năng. Rà soát lại các bài giảng, đề thi nâng bậc, giữ bậc của đội ngũ công nhân, đảm bảo đánh giá được năng lực nhưng không gây áp lực lớn cho người lao động.

Tiếp tục triển khai, áp dụng công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng trong việc quản lý và đánh giá lao động.

Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động, đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

#### **2.4. Công tác tài chính**

Tăng cường quản lý các chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định trong công tác hoạt động tài chính để đồng bộ hoá với các quy định của các cấp;

Tiếp tục quan tâm đến các khoản đầu tư ngắn, trung và dài hạn đảm an toàn và hiệu quả;

#### **2.5. Giải pháp mua sắm và quản lý vật tư, thiết bị**

Tập trung việc thực hiện đấu thầu các gói thầu cung cấp thiết bị, vật tư và dịch vụ nhân công phục vụ đại tu các danh mục SCL đảm bảo đúng tiến độ, đã được phê duyệt.

Triển khai kịp thời việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất thường xuyên theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng và thời gian yêu cầu.

Tăng cường công tác quản lý kho tuân thủ các quy định hiện hành. Tiếp tục thực hiện việc thanh lý hàng tồn kho kém phẩm chất và lỗi thời không sử dụng được để thu hồi vốn. Khai thác tối đa thiết bị, vật tư tồn kho để sử dụng có hiệu quả.

Kiểm soát chặt chẽ các yêu cầu mua sắm hàng hoá của các đơn vị, đối chiếu tồn kho, không mua khi hàng hóa vẫn có tồn kho và công tác cung cấp than phục vụ sản xuất phải đảm bảo đủ số lượng, chất lượng theo Hợp đồng của năm 2022.

#### **2.6. Công tác khác**

Đề sẵn sàng và chủ động ngăn chặn, ứng phó với dịch bệnh Covid-19 Công ty cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cụ thể như:

- Đảm bảo tiêm đủ Vacxin covid cho người lao động.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các công tác trong phòng dịch, yêu cầu mọi người đeo khẩu trang đúng cách, thường xuyên rửa tay sát khuẩn, hạn chế các cuộc họp tăng cường họp trực tuyến, không tụ tập vv...

Duy trì tốt hoạt động chăm sóc sức khỏe người lao động, đảm bảo các hoạt động của Công ty phát triển cả về tinh thần và vật chất, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

### **III. Kết luận**

Năm 2021 là một năm cực kỳ khó khăn đối với Công ty, hầu hết các chỉ tiêu dự kiến đều không đạt kế hoạch được giao. Tuy nhiên, Công ty đã phấn đấu thực hiện tốt nhất có thể kế hoạch SXKD năm 2021.

Công tác quản trị, điều hành của Công ty phù hợp với diễn biến trong sản xuất kinh doanh; trách nhiệm của người lao động được nâng cao, luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; sự quan tâm của Tổng công ty phát điện 2 và các cấp sát sao hơn.

Dự kiến năm 2022 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn với PPC, khắc những tồn tại của năm 2021, Ban điều hành Công ty quyết tâm phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

***Nơi nhận:***

- HĐQT (thay B/C);
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, KHVT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Vũ Xuân Dũng**



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

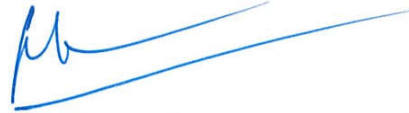
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00315-22-1



  
Trần Thị Lệ Hằng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.489.095.640.555</b>	<b>4.259.412.442.827</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>526.546.317.489</b>	<b>273.399.825.071</b>
Tiền	111		26.546.317.489	23.399.825.071
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000.000	250.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>615.000.000.000</b>	<b>1.515.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	615.000.000.000	1.515.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>796.680.900.597</b>	<b>1.746.070.169.167</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	596.982.947.813	1.516.216.346.155
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	12.625.747.058	8.843.685.200
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	188.166.866.953	223.166.866.953
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.076.833.407	1.014.765.493
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.171.494.634)	(3.171.494.634)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11(a)</b>	<b>500.636.692.263</b>	<b>696.960.373.839</b>
Hàng tồn kho	141		582.756.079.845	792.156.224.450
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(82.119.387.582)	(95.195.850.611)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>50.231.730.206</b>	<b>27.982.074.750</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		839.979.895	641.851.756
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(b)	39.130.728.472	27.340.222.994
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	10.261.021.839	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>2.959.470.526.214</b>	<b>2.974.291.047.185</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>140.000.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	-	140.000.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>336.384.321.074</b>	<b>289.059.153.821</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	335.595.462.630	288.477.435.371
Nguyên giá	222		13.594.338.447.324	13.482.558.481.796
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.258.742.984.694)	(13.194.081.046.425)
Tài sản cố định vô hình	227	13	788.858.444	581.718.450
Nguyên giá	228		58.710.531.632	59.525.806.512
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.921.673.188)	(58.944.088.062)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>31.075.547.779</b>	<b>26.167.124.036</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	31.075.547.779	26.167.124.036
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>2.501.326.887.550</b>	<b>2.477.244.782.187</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.572.000.000)	(58.654.105.363)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>90.683.769.811</b>	<b>41.819.987.141</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	32.615.864.455	17.258.868.161
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	46.098.773.628	242.438.042
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	11.969.131.728	24.318.680.938
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>5.448.566.166.769</b>	<b>7.233.703.490.012</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>	<b>594.317.517.802</b>	<b>749.779.730.224</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>594.317.517.802</b>	<b>749.779.730.224</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311 17	521.722.407.960	514.924.608.335
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	255.057.410	255.057.410
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	313 18(a)	2.713.893.702	88.235.854.265
Phải trả người lao động	314	32.603.354.518	77.952.975.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.558.296.935	5.688.788.408
Phải trả ngắn hạn khác	319 19	5.879.512.628	58.108.030.708
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 20	25.584.994.649	4.614.415.301
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>4.854.248.648.967</b>	<b>6.483.923.759.788</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 21</b>	<b>4.854.248.648.967</b>	<b>6.483.923.759.788</b>
Vốn cổ phần	411 22	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	11.692.500.615	11.692.500.615
Vốn khác của chủ sở hữu	414	250.236.622.078	241.388.997.987
Cổ phiếu quỹ	415	(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
Quỹ đầu tư phát triển	418 24	1.201.170.155.697	910.549.826.507
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	216.187.739.296	2.145.330.803.398
- LNST chưa phân phối lũy kế			
đến cuối năm trước	421a	-	1.278.509.227.811
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	216.187.739.296	866.821.575.587
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>5.448.566.166.769</b>	<b>7.233.703.490.012</b>
<b>(440 = 300 + 400)</b>			

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn  
 Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại**


**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	3.868.169.547.310	7.929.383.128.819
Giá vốn hàng bán	11	27	4.101.719.921.770	6.920.070.149.562
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		(233.550.374.460)	1.009.312.979.257
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	452.375.776.029	286.815.236.538
Chi phí tài chính	22	29	(24.082.105.363)	6.632.011.758
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.803.369.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	86.738.774.829	80.938.315.202
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		156.168.732.103	1.208.557.888.835
Thu nhập khác	31	31	70.102.811.958	3.305.646.486
Chi phí khác	32	32	48.997.176.801	1.215.574.971
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		21.105.635.157	2.090.071.515
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		177.274.367.260	1.210.647.960.350
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	6.942.963.550	199.854.253.905
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(45.856.335.586)	(242.438.042)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		216.187.739.296	1.011.036.144.487
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	674	3.153

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:  
  
Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:  
  
Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
Vũ Xuân Dũng  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>177.274.367.260</b>	<b>1.210.647.960.350</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	58.579.408.413	37.530.818.328
Các khoản dự phòng	03	(37.506.202.848)	(9.088.694.082)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(452.791.942.909)	(286.815.236.538)
Chi phí lãi vay	06	-	2.803.369.736
Các khoản điều chỉnh khác	07	(65.622.537.750)	-
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(320.066.907.834)</b>	<b>955.078.217.794</b>
Biến động các khoản phải thu	09	851.541.117.966	444.274.337.714
Biến động hàng tồn kho	10	222.097.328.271	(32.582.186.324)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(64.106.090.138)	(209.383.791.738)
Biến động chi phí trả trước	12	(15.555.124.433)	(8.903.284.894)
		<b>673.910.323.832</b>	<b>1.148.483.292.552</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.913.923.714)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(97.729.802.883)	(182.258.099.186)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(45.558.732.571)	(59.522.573.642)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>530.621.788.378</b>	<b>903.788.696.010</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.990.702.699)	(50.006.587.776)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	416.166.880	-
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(1.411.000.000.000)	(2.000.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	2.486.000.000.000	1.580.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	493.172.399.316	334.539.627.731
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.552.597.863.497</b>	<b>(135.466.960.045)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	-	2.105.766.198.169
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.232.319.848.977)
Tiền trả cổ tức	36	(1.830.073.159.457)	(608.995.858.891)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.830.073.159.457)</b>	<b>(735.549.509.699)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>253.146.492.418</b>	<b>32.772.226.266</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>273.399.825.071</b>	<b>240.627.598.805</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>526.546.317.489</b>	<b>273.399.825.071</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn  
 Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BAN KIỂM SOÁT**

**BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (sau đây gọi tắt là “Công ty”);

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (sau đây được viết tắt là “BKS”) được quy định theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

BKS Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 kết quả hoạt động của BKS tại Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở kiểm soát trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh (sau đây được viết tắt là “SXKD”) tại Công ty, soát xét báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Tổng hợp các báo cáo liên quan, kiểm tra chọn mẫu chứng từ kế toán, kiểm tra đối chiếu các báo cáo nhập xuất tồn vật tư, kiểm tra chọn mẫu hồ sơ quyết toán các công trình sửa chữa lớn (sau đây được viết tắt là “SCL”) hoàn thành trong năm 2021.

**1. Nội dung kiểm soát**

Giám sát việc quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị (sau đây được viết tắt là “HDQT”). Tổng Giám đốc, việc thực hiện nhiệm vụ do đại hội đồng cổ đông (sau đây được viết tắt là “ĐHĐCĐ”) giao, việc thực hiện Nghị quyết HDQT đối với Ban điều hành (sau đây được viết tắt là “BDH”).

Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản, hiệu quả đầu tư vốn; Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý tài chính - kế toán.

Thông qua hoạt động kiểm soát phát hiện ra các tồn tại, sai sót đề kiến nghị với

BĐH chấn chỉnh công tác điều hành hoạt động SXKD, công tác quản lý tài chính kế toán của Công ty và đề xuất những kiến nghị để khắc phục những tồn tại được phát hiện thông qua kiểm soát; Đảm bảo các nguồn lực của Công ty được sử dụng tiết kiệm mang lại hiệu quả cao nhất.

Thực hiện các khuyến nghị của BKS các lần trước.

## **2. Phạm vi, giới hạn và thời gian kiểm soát**

### **2.1. Phạm vi kiểm soát**

Thời kỳ được kiểm soát năm 2021.

### **2.2. Giới hạn kiểm soát**

BKS khi thực hiện kiểm soát tại Công ty giới hạn kiểm soát như sau:

BKS đã chứng kiến kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm kê tiền mặt, kiểm kê vật tư hàng hóa tồn kho (chọn mẫu), kiểm soát các bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2021; Không đối chiếu, xác minh hoá đơn mua vật tư, dịch vụ, nợ phải thu, phải trả với các đơn vị và cá nhân liên quan.

### **2.3. Thời gian kiểm soát**

Trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2021 ngoài công việc kiểm soát chuyên trách tại Công ty thực hiện theo quy chế, BKS đã thực hiện 03 cuộc kiểm soát trực tiếp tại Công ty: (i) kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 trình ĐHĐCĐ năm 2021, (ii) kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ giai đoạn 09 tháng đầu năm 2021, (iii) kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu (sau đây được viết tắt là “LCNT”), hợp đồng và thực hiện hợp đồng; soát xét báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31/12/2021.

Kiểm soát tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2021 do ĐHĐCĐ giao từ ngày 23/4/2021 đến 26/5/2022 tại trụ sở Công ty.

## **3. Căn cứ kiểm soát**

Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán, điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Báo cáo kiểm soát được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm soát, biên bản xác nhận số liệu và tình hình thực hiện công việc kiểm soát của các thành viên BKS. Báo cáo tài chính giữa niên độ (Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV, Báo cáo tài chính Bán niên) và Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## **4. Về tính đúng đắn trung thực của Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, ngoại trừ phạm vi và giới hạn của BKS xét trên phương diện trọng yếu đã phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty.

## **PHẦN I**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021**

#### **I. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BKS**

##### **1.1. Cơ cấu thành viên BKS**

BKS của Công ty trong năm 2021 cụ thể như sau:

Ông Ngô Nguyên Đồng	Trưởng BKS (từ ngày 01/10/2021) Thành viên (từ ngày 23/4/2021 đến ngày 30/9/2021)
Ông Trần Anh Duy	Trưởng BKS (từ ngày 23/4/2021 - ngày 30/9/2021) Thành viên (từ ngày 01/10/2021)
Ông Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS (đến ngày 23/4/2021)
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên (từ ngày 23/4/2021)
Ông Hồ Trung Thành	Thành viên (đến ngày 23/4/2021)
Bà Hồ Trần Diệu Ly	Thành viên (đến ngày 23/4/2021)

##### **1.2. Hoạt động của BKS trong năm**

Hoạt động của BKS luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật cũng như các quy định của Công ty.

Định kỳ, BKS họp thông qua các nội dung biên bản kiểm soát của Công ty. Trong quá trình làm việc, do tính chất công việc và khoảng cách địa lý, BKS thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để các hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất. Năm 2021 BKS đã thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Lập báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2020, báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2021;
- Trình ĐHCĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Tổ chức các cuộc họp BKS định kỳ để đánh giá các hoạt động của Công ty bao gồm: hoạt động của HĐQT, BĐH; thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm, có các ý kiến nhận xét và kiến nghị đối với Công ty về tình hình SXKD và các hoạt động khác;
  - Giám sát hoạt động của HĐQT và BĐH Công ty một cách độc lập khách quan;
  - Giám sát BĐH trong việc thực hiện Nghị quyết HĐQT đã thông qua;
  - Phối hợp đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán giữa kỳ và kết thúc năm;
  - Trưởng BKS chuyên trách làm việc tại Công ty thường xuyên kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
  - Đại diện BKS tham dự các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp giao ban tuần, tháng các cuộc họp khác có liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư xây dựng. Tại



cuộc họp, đại diện BKS tham gia ý kiến đối với Lãnh đạo Công ty để chỉ đạo các hoạt động đảm bảo lợi ích cho Công ty cũng như lợi ích của cổ đông.

## II. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

### 2.1. Giám sát việc quản lý, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ năm 2021 do ĐHĐCĐ giao

#### 2.1.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ

Năm 2021, HĐQT Công ty đã ban hành 24 Nghị quyết. Các Nghị quyết đều được ủy viên HĐQT tham gia biểu quyết đầy đủ; Nghị quyết ban hành kịp thời, phù hợp với nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao và đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao với ý kiến biểu quyết tán thành, cụ thể:

TT	Số và ký hiệu Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	198/NQ-PPC	20/01/2021	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
2	199/NQ-PPC	22/02/2021	Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt lần 2 năm 2020	100%
3	200/NQ-PPC	22/02/2021	Thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2021	100%
4	201/NQ-PPC	01/3/2021	Thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2021	100%
5	202/NQ-PPC	02/3/2021	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
6	203/NQ-PPC	17/3/2021	Kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý	100%
7	204/NQ-PPC	30/3/2021	Chấp thuận kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý	100%
8	205/NQ-PPC	22/4/2021	Bổ trí, sắp xếp cán bộ	100%
9	206/NQ-PPC	23/4/2021	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026	100%
10	207/NQ-PPC	28/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 lần 3 bằng tiền mặt	100%
11	208/NQ-PPC	01/6/2021	Ký hợp đồng kiểm toán năm 2021	100%
12	209/NQ-PPC	23/6/2021	Trả cổ tức lần 4 năm 2020	100%

			bằng tiền mặt	
13	210/NQ-PPC	13/7/2021	Thông qua kiện toàn mô hình ban quản lý dự án	100%
14	211/NQ-PPC	28/7/2021	Chủ trương điều chuyển các bộ phận và sáp nhập phòng Bảo vệ - Cứu hỏa vào Văn phòng Công ty	100%
15	212/NQ-PPC	30/7/2021	Về việc điều chuyển các bộ phận, đổi tên PX Cung cấp Nhiên liệu thành PX Nhiên liệu và bổ nhiệm cán bộ	100%
16	213/NQ-PPC	04/8/2021	Chấp thuận kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Tuấn	100%
17	214/NQ-PPC	13/8/2021	Họp HĐQT quý 2, nhiệm vụ quá 3 năm 2021	100%
18	215/NQ-PPC	26/8/2021	Trả cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền mặt	100%
19	216/NQ-PPC	26/8/2021	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức đại hội cổ đông bất thường năm 2021	100%
20	217/NQ-PPC	08/10/2021	Chủ trương điều động, bổ nhiệm cán bộ	100%
21	218/NQ-PPC	01/11/2021	Chủ trương điều động, bổ nhiệm cán bộ	100%
22	219/NQ-PPC	01/11/2021	Thành lập bộ phận pháp chế chuyên trách	100%
23	220/NQ-PPC	10/11/2021	Chủ trương điều động, bổ nhiệm cán bộ	100%
24	221/NQ-PPC	24/12/2021	Chấm dứt và cử đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	100%

Ngoài các Nghị quyết ở trên, trong năm 2021 HĐQT đã ra 290 Quyết định về việc phê duyệt các dự thảo hồ sơ mời thầu; phê duyệt kết quả LCNT, các phụ lục hợp đồng và dự thảo hợp đồng liên quan đến SXKD Công ty. Các quyết định đều được



xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao ý kiến biểu quyết tán thành.

### 2.1.2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản lượng

Sản lượng điện sản xuất cả năm 2021 của Công ty đạt sản lượng điện đầu cực là 2.965,62 triệu kWh so với kế hoạch năm đạt 67,4% và so với năm trước đạt 58,0%. Sản lượng điện thương phẩm là 2.682,79 triệu kWh so với kế hoạch đạt 67,2% và so với cùng kỳ năm trước đạt 51,0%.

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện chào giá và bám sát công tác thị trường điện để đảm bảo các tổ máy phát theo huy động công suất của hệ thống điện. Tuy nhiên, năm 2021 do diễn biến phức tạp của thiên tai, dịch bệnh, thêm vào đó là do các nhà máy điện mặt trời đồng loạt đưa vào vận hành thương mại dẫn đến thừa nguồn, các nhà máy nhiệt điện than huy động tải thấp.

Phả Lại 1 (PL1):

PL1 thiết bị xuống cấp nghiêm trọng, các thiết bị áp lực, hệ thống lọc bụi tĩnh điện, hệ thống nghiền than, thùng nghiền, máy nghiền vv... đều đến thời điểm cần thay thế.

Một số tháng đầu năm và các tháng mùa mưa giá điện thấp, hệ thống huy động thấp ưu tiên huy động thủy điện. Đồng thời, chịu ảnh hưởng bởi sự cố phải dừng tổ máy trong tháng 5 (*sự cố mất điện phân đoạn 2CA ngày 09/5 và sự cố MN 2B ngày 20/5. Giảm sản lượng khoảng 2,4 triệu kWh*). Các tháng còn lại bám sát biểu đồ QC, có tháng phát vượt so với kế hoạch, tuy nhiên do sản lượng kế hoạch được giao ngay từ đầu năm giao thấp.

Phả Lại 2 (PL2):

Khởi 6 từ tháng 3/2021 không phát điện. Thời điểm hiện tại công tác khắc phục sự cố S6 đang trong quá trình thực hiện, dự kiến tiến độ đưa tổ máy S6 vận hành trước 01/9/2022.

S5 đăng ký đại tu từ 01/10/2021, tuy nhiên theo nhu cầu của hệ thống nên tách ra sửa chữa từ 15/10/2021 và lên khởi vào ngày 13/12/2021.

Những yếu tố đã nêu trên tác động lớn đến sản lượng điện của Công ty không đạt kế hoạch đề ra, cụ thể:

Nhà máy	Kế hoạch năm 2021 (Triệu kWh)		Thực hiện năm 2021 (Triệu kWh)		Thực hiện năm 2020 (Triệu kWh)		So sánh TH năm 2021/ KH năm 2021		So sánh TH năm 2021/ năm 2020	
	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm	Điện năng sản xuất	Điện năng thương phẩm
PL1	816,51	726,45	1.086,58	962,38	1.872,15	1.682,08	133,1%	132,5%	58,0%	57,2%
PL2	3.586,16	3.263,40	1.879,04	1.720,41	3.904,58	3.583,39	52,4%	52,7%	48,1%	48,0%
Cộng	4.402,67	3.989,85	2.965,62	2.682,79	5.776,73	5.265,47	67,4%	67,2%	51,3%	51,0%

### 2.1.3. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

#### a. Tỷ lệ điện tự dùng và suất hao nhiệt tính cao hơn kế hoạch

+ PL1:

Số giờ vận hành phương thức 1 máy - 1 lò chiếm tỷ lệ cao. Các thiết bị trao đổi nhiệt kém hiệu quả do đã quá cũ, nút bịt nhiều ống trao đổi nhiệt; chế độ cháy không tối ưu làm giảm hiệu suất lò.

Một phần do sự thay đổi về chủng loại than cấp vào lò; nhiệt độ môi trường cao, nhiệt độ nước làm mát cao, giảm hiệu suất chu trình, tăng điện tự dùng và hao nhiệt.

+ PL2:

Sau sự cố S6, S5 vận hành ở công suất 240 MW. Sau khi nâng công suất, vận hành S5 nhưng vẫn phải cấp điện tự dùng cho hệ thống tự dùng chung và phát ở dải công suất cao vận hành liên tục 3 bơm cấp nên điện tự dùng tăng cao, dẫn đến suất hao nhiệt tính cao;

+ Tổng hợp suất hao nhiệt của hai dây chuyền không đạt kế hoạch do từng dây chuyền không đạt và tỷ trọng phát điện của PL1 cao hơn kế hoạch trong khi tỷ trọng PL2 phát dưới kế hoạch.

#### b. Các chỉ tiêu kinh tế khác

Do sự cố của các tổ máy tăng cao, đặc biệt sự cố S6 kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến phương thức vận hành cũng như sản lượng điện có thể phát được.

Tỷ lệ dừng máy sự cố cao gấp 13 lần kế hoạch do sự cố tổ máy S6. Tỷ lệ dừng máy sự cố lũy kế đã vượt tỷ lệ cho phép của cả năm 2021 từ tháng 5/2021.

Hệ số khả dụng không đạt kế hoạch chủ yếu do thời gian dừng sự cố tổ máy S6.

+ Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh với KH (%)
1	Tỷ lệ điện tự dùng (tồn thất)		9,38	10,34	Không Đạt
2	Suất hao nhiệt tính		11.680	13.086	
	PL1	kJ/kWh	14.649	16.382	Không Đạt
	PL2	kJ/kWh	11.019	11.243	Không Đạt
3	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	2,19	23,52	Không Đạt
4	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	10,02	8,66	Đạt
5	Hệ số khả dụng	%	87,79	67,82	Không Đạt
6	Suất sự cố		0,22	0,12	Đạt

#### 2.1.4. Tình hình thực hiện kết quả kinh doanh năm 2021

Công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế TNDN là 177,27 tỷ đồng đạt tỷ lệ 42,76% kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ giao, so với cùng kỳ năm trước Công ty đạt 11,64%. Với lợi nhuận đã đạt được trong năm 2021 sẽ không đảm bảo việc phân phối lợi nhuận theo nghị quyết ĐHĐCĐ giao.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Nội dung	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So sánh TH năm 2021/ KH năm 2021	So sánh TH 2021/ năm 2020
<b>1. Doanh thu</b>	<b>5.658.105,07</b>	<b>4.390.648,14</b>	<b>8.219.504,01</b>	<b>78%</b>	<b>53%</b>
+ <i>Doanh thu sản xuất điện</i>	5.398.758,96	3.856.754,62	7.907.780,19	71%	49%
+ <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	238.207,71	452.375,78	286.815,24	190%	158%
+ <i>Hoạt động khác</i>	21.138,40	81.517,74	24.908,58	386%	327%
<b>2. Chi phí</b>	<b>5.243.513,66</b>	<b>4.213.373,77</b>	<b>7.008.856,05</b>	<b>80%</b>	<b>60%</b>
+ <i>Chi phí sản xuất điện</i>	5.233.594,68	4.187.413,10	6.996.206,52	80%	60%
+ <i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	3.900,00	(24.082,11)	6.632,01		- 363%
+ <i>Chi phí khác</i>	6.018,98	50.042,77	6.017,52	831%	832%
<b>3. Lợi nhuận trước thuế = (1) - (2)</b>	<b>414.591,40</b>	<b>177.274,37</b>	<b>1.210.647,96</b>	<b>43%</b>	<b>15%</b>
+ <i>Thuế TNDN</i>		6.942,964	199.854,25		

## 2.2. Số liệu tài chính

### 2.2.1. Chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2021

*(Số liệu tóm tắt, đơn vị tính: triệu đồng)*

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>2.489.095,64</b>	<b>4.259.412,44</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>526.546,32</b>	<b>273.399,83</b>
1. Tiền	111	26.546,32	23.399,83

2. Các khoản tương đương tiền	112	500.000,00	250.000,00
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>615.000,00</b>	<b>1.515.000,00</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	615.000	1.515.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	796.680,90	1.746.070,17
IV. Hàng tồn kho	140	500.636,69	696.960,37
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	50.231,73	27.982,07
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>	<b>2.959.470,53</b>	<b>2.974.291,05</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	140.000,00
II. Tài sản cố định	220	336.384,32	289.059,15
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	31.075,55	26.167,12
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2.501.326,89	2.477.244,78
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>90.683,77</b>	<b>41.819,99</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	32.616	17.259
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	46.099	242
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263	11.969	24.319
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>5.448.566,17</b>	<b>7.233.703,49</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>594.317,52</b>	<b>749.779,73</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	594.317,52	749.779,73
II. Nợ dài hạn	330	-	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.854.248,65</b>	<b>6.483.923,76</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.854.248,65	6.483.923,76
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	3.262.350,00	3.262.350,00
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	11.692,50	11.692,50
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	250.236,62	241.389,00
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(87.388,37)	(87.388,37)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.201.170,16	910.549,83
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	216.187,74	2.145.330,80
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.278.509
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>5.448.566,17</b>	<b>7.233.703,49</b>

Căn cứ Chi tiêu Bảng cân đối kế toán:

Tài sản ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/12/2021 giảm so với đầu năm do các

khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đầu kỳ là 1.515 tỷ đồng, cuối kỳ là 615 tỷ đồng giảm 900 tỷ đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn đầu năm 1.746 tỷ đồng, cuối kỳ 796,68 tỷ đồng giảm 950 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn của Công ty không có biến động nhiều số cuối kỳ giảm 0,5% so với đầu năm.

Nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2021 giảm so với đầu năm. Nguyên nhân do khoản phải trả người lao động cũng giảm 58,18% (đầu năm 78 tỷ đồng, cuối năm 32,6 tỷ đồng), thuế các khoản phải nộp nhà nước giảm 96,92% so với đầu năm (đầu năm 88,2 tỷ đồng, cuối kỳ 2,7 tỷ đồng).

### 2.2.2. Thuế và các khoản nộp NSNN đến ngày 31/12/2021

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Diễn giải	Số dư đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
1. Thuế GTGT		48,26	48,26	
2. Thuế TNDN	80,35	6,94	97,73	-10,26
3. Thuế đất		17,48	17,48	
4. Các khoản thuế khác	7,61	99,49	104,38	2,71
5. Các khoản phải nộp khác	0,99	32,98	32,98	
<b>CỘNG</b>	<b>88,23</b>	<b>205,05</b>	<b>300,83</b>	<b>-7,55</b>

### 2.2.3. Lao động tiền lương, thu nhập của người lao động

TT	Nội dung	ĐVT	KH 2021	TH 2021	So sánh (%)
1	Lao động có mặt đến 31/12/2021	người	838	833	99,40
2	Lao động bình quân	người	838	845	100,8
3	Lao động theo định biên	người	838	838	100,0
4	Tổng quỹ lương chung	triệu đồng	197.106,16	164.442,52	83,43
5	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/th	16,95	14,18	83,66
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	19,60	16,21	82,70

## 2.3. Thực hiện chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản của các cổ đông

### 2.3.1. Quản lý tài chính, kế toán

Công ty là doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước trên 51% do Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) đại diện

chủ sở hữu; hoạt động SXKD của Công ty theo Luật Doanh nghiệp, luật thuế, luật khác có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật đang có hiệu lực thi hành.

Việc chấp hành chế độ quản lý tài chính tại Công ty được đánh giá trên các mặt chủ yếu sau đây:

### ***2.3.2. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của các cổ đông và một số quy định pháp luật của Nhà nước tại Công ty***

#### ***a. Quản lý tài sản và nguồn vốn***

##### ***+ Quản lý tài sản ngắn hạn.***

Các khoản tương đương tiền đầu năm là 273,4 tỷ đồng cuối kỳ là 526,55 tỷ đồng tăng 253,15 tỷ đồng; được mở sổ, theo dõi hạch toán theo quy định. Qua theo dõi kiểm soát cho thấy chứng từ thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng đầy đủ, theo đúng quy định. Cuối hàng tháng, Công ty đã tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi tại ngân hàng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đầu kỳ là 1.515 tỷ đồng, cuối kỳ là 615 tỷ đồng giảm 900 tỷ đồng. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong năm 2021; Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm so với đầu năm do Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông và chi trả tiền lương năm trước còn lại, thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp và nộp thuế cho nhà nước, do vậy các nguồn tiền nhàn rỗi giảm so với đầu kỳ.

##### ***- Các khoản phải thu ngắn hạn:***

Các khoản phải thu ngắn hạn đầu năm 1.746 tỷ đồng, cuối kỳ 796,68 tỷ đồng giảm 950 tỷ đồng gồm một số khoản phải thu có giá trị lớn như: Tiền bán điện cho Công ty mua bán điện (EPTC) thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) 596,98 tỷ đồng và khoản phải thu về cho Tổng công ty 188,16 tỷ đồng.

Công ty đã mở sổ theo dõi và hạch toán và đối chiếu công nợ phải thu ngắn hạn chi tiết cho từng đối tượng:

\* Công nợ khó đòi: Công ty có khoản nợ phải thu tiền lãi từ Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt lâu ngày chưa thu hồi được là 3,17 tỷ đồng, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản phải thu này, đang thực hiện các biện pháp để thu hồi và xử lý số công nợ này.

##### ***- Quản lý hàng tồn kho:***

\* Hàng tồn kho đến thời điểm 31/12/2021 giảm 28,17% so với đầu năm (đầu kỳ là 696,96 tỷ đồng, cuối kỳ là 500,64 tỷ đồng), chủ yếu trong đó là các chủng loại nhiên liệu và phụ tùng thiết bị chiếm tỷ trọng lớn nhất, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu kỳ</u></b>	<b><u>Tỷ lệ</u></b>
÷ Nhiên liệu than	369,81	534,08	69,24%

÷ Nhiên liệu dầu FO	42,69	42,11	101,38%
÷ Nguyên liệu, vật liệu, ...	167,70	213,53	78,54%
÷ DP giảm giá hàng tồn kho	82,12	95,2	86,26%
÷ Thiết bị phụ tùng DP dài hạn	178,75	197,42	90,54%
÷ DP giảm giá TB, PT dài hạn	166,78	173,11	96,35%

Giá trị nguyên liệu vật liệu cũng giảm do một số vật tư/thiết bị đã được đưa vào thay thế cùng với thời gian dùng để sửa chữa theo kế hoạch do đó giá trị tồn giảm.

Tổng giá trị nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế tồn kho đến thời điểm 31/12/2021 là 346,46 tỷ đồng (bao gồm nguyên vật liệu 167,7 tỷ đồng và thiết bị phụ tùng dài hạn 178,75 tỷ đồng được Công ty phân loại chi tiết và đưa vào sử dụng trong các công trình SCL và sửa chữa thường xuyên), nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng tồn kho Công ty căn cứ theo nhu cầu sử dụng đã được trích lập dự phòng theo quy định của Nhà nước với tổng giá trị trích lập là 248,9 tỷ đồng. Nguyên vật liệu phụ tùng thiết bị tồn kho luôn ở mức cao và gia tăng hàng năm nếu Công ty không có biện pháp hạn chế và phương án giảm hàng tồn kho sẽ ảnh hưởng rất lớn đến dòng tiền và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ *Quản lý tài sản dài hạn*

- Các khoản phải thu dài hạn:

Tổng các khoản phải thu dài hạn cuối năm 2021 là 0 đồng, giảm 140 tỷ đồng so với đầu năm. Đây là khoản Tập đoàn vay vốn dài hạn bổ sung vốn cho công trình xây dựng từ năm 2009 để bổ sung vốn lưu động và đầu tư Thủy điện Lai Châu, Tập đoàn cũng đã thực hiện trả nợ trước hạn khoản vay này.

- Tài sản cố định (sau đây được viết tắt là “TSCĐ”):

Nguyên giá TSCĐ đầu năm là 13.542,08 tỷ đồng, cuối năm là 13.653,05 tỷ đồng, tăng 110,96 tỷ đồng tương đương tăng 0,81%. Nguyên giá TSCĐ tăng do Công ty thực hiện mua sắm bổ sung và tăng do thực hiện nâng cấp trong quá trình sửa chữa. Bên cạnh đó giá trị tài sản thanh lý thấp hơn giá trị tài sản mua sắm mới.

Giá trị hao mòn trong kỳ là 58,77 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước tăng 21,06 tỷ đồng tương đương tăng 55,86 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng do chi phí SCL một số công trình đã ghi nhận vào chi phí năm 2019 và 2020. Năm 2021, theo kết luận của Thanh tra tỉnh Hải Dương phải thực hiện tăng tài sản những công trình này để trích khấu hao. Do vậy năm 2021 Công ty đã thực hiện tăng tài sản các công trình này và trích khấu hao theo quy định. Bên cạnh đó các tài sản thanh lý đều đã hết khấu hao.

Giá trị hao mòn lũy kế đầu năm là 13.253,02 tỷ đồng cuối năm là 13.316,66 tỷ đồng tăng 63,64 tỷ đồng tương đương tăng 0,48% . Giá trị hao mòn tăng do Công ty thực hiện tính hao mòn các tài sản.

Giá trị TSCĐ còn lại đầu kỳ là 289,06 tỷ đồng, cuối năm là 336,38 tỷ đồng, tăng

47,32 tỷ đồng tương đương tăng 16,3%. Nguyên nhân chủ yếu là do trong quá trình sửa chữa Công ty thực hiện nâng cấp tài sản. Bên cạnh đó, Công ty mua bổ sung tài sản cố định phục vụ cho SXKD và các tài sản thanh lý đều đã trích hết khấu hao.

Việc theo dõi, hạch toán TSCĐ đã được Công ty mở thẻ TSCĐ và sổ chi tiết.

\* Tài sản dở dang dài hạn:

Năm 2021, công việc SCL tuy không thực hiện hết các nội dung trong kế hoạch nhưng đã thực hiện được 90%/tổng giá trị kế hoạch SCL; chi phí SCL phát sinh trong năm 2020 sau khi được thẩm định sẽ được quyết toán hoàn thành trong năm 2021.

\* Quản lý đầu tư tài chính dài hạn:

Đến 31/12/2021 Công ty đã thực hiện đầu tư các dự án điện là 2.535,9 tỷ đồng, trong đó:

÷ Góp vốn vào công ty liên kết:

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (sau đây được viết tắt là “HND”) với tổng số tiền là 1.451,05 tỷ đồng, tương đương với 129.850.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 25,97% vốn điều lệ. Năm 2021, Công ty đã nhận tiền cổ tức còn lại năm 2020 là 21,75% tương đương 282,42 tỷ đồng (cổ tức năm 2020 của HND là 24,25%, đã trả tạm ứng trong năm 2020 là 2,5%). Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2021 HND sẽ trả với tỷ lệ 8%.

÷ Đầu tư các dự án điện khác:

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (sau đây được viết tắt là “QTP”) với tổng số tiền là 817,29 tỷ đồng tương đương với 73.587.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 16,35% vốn điều lệ. Năm 2021, QTP trả cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 10% tương đương với số tiền là 73,59 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2021, QTP sẽ trả với tỷ lệ 16%.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây được viết tắt là “EIC”) với tổng số tiền là 70,8 tỷ đồng tương đương với 7.080.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 19,3%. Năm 2021, EIC trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 với tỷ lệ là 10% tương đương với số tiền 7,08 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức bằng tiền của năm 2021 với tỷ lệ là 10% tương ứng với số tiền 7,08 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2021, EIC trả với tỷ lệ 30%.

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây được viết tắt là “BDH”) với tổng số tiền góp vốn là 50,25 tỷ đồng, số lượng cổ phần hiện tại là 9.453.083 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 15% vốn điều lệ. Năm 2021, Công ty nhận cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% tương đương 450.146 cổ phiếu, và cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5% tương đương số tiền là 4,5 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức năm 2021, BDH sẽ trả với tỷ lệ 12% (trong đó cổ tức bằng tiền 8% và cổ tức bằng cổ phiếu 4%).

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (sau đây được viết



tất là “VPD”) với tổng giá trị góp vốn là 100 tỷ đồng, số lượng cổ phần hiện tại là 11.311.657 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 10,61% vốn điều lệ. Năm 2021, VPD trả cổ tức bằng tiền của năm 2020 với tỷ lệ 6% tương đương 6,78 tỷ đồng. Dự kiến, VPD trả cổ tức bằng tiền năm 2021 với tỷ lệ 8%.

+ Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (sau đây được viết tắt là “BTP”) với tổng số cổ phiếu là 670.000 cổ phiếu tương đương 46,498 tỷ đồng. Năm 2021, Công ty đã nhận cổ tức bằng tiền năm 2020 với tỷ lệ là 11% tương đương 0,74 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức bằng tiền năm 2021, BTP sẽ trả với tỷ lệ là 11%.

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

TT	Diễn giải	Cổ tức, lãi suất (%) đến 31/12/2021	Giá trị thu được đến 31/12/2021	Số tiền còn đầu tư đến 31/12/2021	Ngày đáo hạn
<b>1</b>	<b>Đầu tư ngắn hạn (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn)</b>		<b>46,93</b>	<b>1.303,16</b>	
1.1	Gửi tiền tại các ngân hàng	Lãi suất bình quân từ 3% đến 5%	46,93	1.115,00	Trong năm 2022
1.2	Tập đoàn và Tổng công ty huy động vốn		23,25	188,16	
1.2.1	Tập đoàn huy động vốn	Lãi suất bình quân 04 ngân hàng + Lãi suất biên 3%	13,11	0	Tập đoàn đã trả nợ toàn bộ khoản vay vào ngày 28/12/2021
1.2.2	Tổng công ty huy động vốn	Lãi suất bình quân 04 ngân hàng + Lãi suất biên 0,5%	10,14	188,16	Đến hạn 22/3/2022
<b>2</b>	<b>Đầu tư dài hạn</b>		<b>382,19</b>	<b>2.535,90</b>	
2.1	Đầu tư công ty liên kết		282,42	1.451,06	
2.1.1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Thanh toán cổ tức bằng tiền còn lại 2020 là 21,75% (cổ tức bằng tiền năm 2021 là 24,25% đã thanh toán	282,42	1.451,06	Không thời hạn

		tạm ứng cổ tức năm 2020: 2,5%)			
2.2	Đầu tư khác		99,77	1.084,84	
2.2.1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Cổ tức bằng tiền năm 2020 tỷ lệ 10%	73,59	817,30	Không thời hạn
2.2.2	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Cổ tức bằng tiền năm 2020 tỷ lệ 10% và tạm ứng cổ tức năm 2021 tỷ lệ 10%	14,16	70,80	Không thời hạn
2.2.3	Công ty Cổ phần Thủy điện Đôn	Cổ tức bằng tiền năm 2020 tỷ lệ: 5% và cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ: 5%	4,5	50,25	Không thời hạn
2.2.4	Công ty Cổ phần Phát triển điện Việt Nam	Cổ tức bằng tiền năm 2020 tỷ lệ 6%	6,78	100,00	Không thời hạn
2.2.5	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Cổ tức bằng tiền năm 2020 tỷ lệ 11%	0,74	46,49	Không thời hạn
	<b>Tổng</b>		<b>452,37</b>	<b>3.839,06</b>	

- Quản lý tài sản dài hạn khác:

Tài sản dài hạn khác của Công ty đến ngày 31/12/2021 là 90,68 tỷ đồng trong đó chi phí trả trước dài hạn là 32,62 tỷ đồng, tài sản thuê thu nhập hoãn lại là 46,1 tỷ đồng, thiết bị phụ tùng thay thế dài hạn với giá trị là 11,97 tỷ đồng {xem mã số 263 ở Bảng cân đối kế toán (thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn giá gốc là 178,75 tỷ đồng, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 166,78 tỷ đồng)}; Năm 2021 Công ty đã tiếp tục tiến hành đánh giá, phân loại thành các chủng loại cần sử dụng ngay, sẽ sử dụng trong thời gian sau 1 năm và để dự phòng với mục đích theo dõi và giám sát đảm bảo hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng các loại vật tư, thiết bị này.

+ Quản lý nợ phải trả

- Nợ ngắn hạn:

Các khoản công nợ phải trả được Công ty mở sổ kế toán theo dõi và hạch toán chi tiết đến từng đối tượng, hợp đồng kinh tế; phân loại công nợ theo thời hạn thanh toán (tuổi nợ) được thực hiện vào cuối năm và xác nhận đối chiếu công nợ phải trả với

từng khách hàng.

Về Nợ phải trả tại ngày 31/12/2021 nợ phải ngắn hạn giảm 20,73% so với đầu năm (đầu năm 749,78 tỷ đồng, cuối kỳ là 594,32 tỷ đồng). Nguyên nhân nợ ngắn hạn giảm do khoản phải trả người bán tăng 1,32% so với đầu năm (đầu năm 514 tỷ đồng, cuối kỳ 521 tỷ đồng). Nguyên nhân nợ ngắn hạn tăng là do các công trình SCL đến 31/12/2021 mới ghi nhận giá trị hoàn thành chưa đủ điều kiện để thanh toán cho nhà cung cấp. Bên cạnh các khoản phải trả người bán tăng thì các khoản phải trả người lao động cũng giảm 74,13% (đầu năm 78 tỷ đồng, cuối năm 20,1 tỷ đồng), nguyên nhân là do năm 2021 Công ty được trích bổ sung quỹ lương nhưng chưa chi và năm 2021 mới chi trả cho người lao động dẫn đến khoản phải trả người lao động giảm. Bên cạnh đó quỹ lương năm 2021 thấp và đã thực hiện chi trả gần hết cho người lao động.

Thuế các khoản phải nộp nhà nước giảm 96,92% so với đầu năm (đầu năm 88,2 tỷ đồng, cuối kỳ 2,7 tỷ đồng). Nguyên nhân giảm do năm 2020 Công ty đã ghi nhận khoản thuế phải nộp của năm 2020 sang năm 2021 mới thực hiện chi trả. Bên cạnh đó lợi nhuận sản xuất điện năm 2021 bị lỗ, lợi nhuận chủ yếu là cổ tức nhận từ các đơn vị góp vốn, Công ty không phải nộp thuế TNDN.

Các khoản phải nộp, phải trả ngắn hạn khác giảm 89,88% so với đầu năm. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông. Năm 2020 Công ty hạch toán khoản tạm ứng cổ tức cho công đồng nhưng sang năm 2021 mới thực hiện chi trả, do vậy cuối kỳ chỉ tiêu này giảm.

- Nợ dài hạn:

Năm 2021 Công ty không phát sinh.

+ Quản lý nguồn vốn chủ sở hữu:

Các chỉ tiêu thuộc nguồn vốn chủ sở hữu Công ty đã thực hiện theo dõi và quản lý theo quy định, cụ thể số liệu như sau:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	PS năm	PS giảm	Số dư cuối kỳ
1. Vốn cổ phần	3.262,35			3.262,35
2. Vốn khác của chủ sở hữu	241,39	8,85		241,39
3. Cổ phiếu quỹ	-87,39			-87,39
4. Quỹ ĐTPT	910,55	301,13	10,51	1.210,17
5. Thặng dư vốn CP	11,69			11,69
6. Lợi nhuận sau thuế	2.145,34	216,19	2.145,34	216,19
<b>Cộng</b>	<b>6.483,93</b>			<b>4.854,25</b>

**b. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và công tác quản lý chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021**

**+ Quản lý doanh thu, thu nhập:**

Tổng doanh thu năm 2021 đạt 4.390,65 tỷ đồng bằng 53,42 % so với năm 2020 và bằng 77,6% so với kế hoạch năm 2021. Trong đó doanh thu sản xuất điện đạt 3.856,75 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 452,37 tỷ đồng, doanh thu sản xuất khác và hoạt động khác đạt 81,51 tỷ đồng.

Doanh thu sản xuất điện đạt 3.856,75 tỷ đồng bằng 48,77% so với năm 2020 và bằng 71,43% kế hoạch năm (giảm 28,57%). Doanh thu điện giảm do sản lượng điện bán trong kỳ giảm (sản lượng điện bán giảm 49% so với năm 2020, giảm 32,73% so với kế hoạch năm). Nguyên sản lượng điện giảm là do QC trong năm được giao thấp, bên cạnh đó ảnh hưởng sự cố khối 6 ngày 16/3/2021, vì vậy khối 6 từ tháng 3 không thực hiện phát điện. Đồng thời, khối 5 cũng phát ở công suất tối thiểu 240 MW do có hiện tượng di trục tuabin đến ngưỡng cảnh báo. Sản lượng hợp đồng PL2 giảm còn 75% sản lượng, hợp đồng phân bổ đầu năm do sự cố tổ máy 6 bị điều chỉnh giảm về sản lượng thực phát từ 16/3/2021. Tổ máy S5 thực hiện đại tu từ tháng 10 đến tháng 12.

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 177.27 tỷ đồng bằng 11,64% so với năm 2020 và bằng 42,76% so với kế hoạch năm 2021. Trong đó lợi nhuận sản xuất điện lỗ 330,66 tỷ đồng, lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 476,58 tỷ đồng và lợi nhuận sản xuất khác và hoạt động khác là 31,47 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế sản xuất điện năm 2021 lỗ 330,66 tỷ đồng. Nguyên nhân do doanh thu giảm 28,57%, giá thành sản xuất điện giảm 19,99%. Như vậy tỷ lệ giảm doanh thu cao hơn tỷ lệ giảm chi phí.

- Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 476,46 tỷ đồng tăng 103,34% so với kế hoạch năm, tăng 70,05% so với năm 2020. Nguyên nhân tăng do doanh thu tài chính tăng trong khi đó chi phí tài chính giảm.

- Lợi nhuận sản xuất khác và hoạt động khác đạt 31,37 tỷ đồng tăng 107,48% so với kế hoạch năm (21,14 tỷ đồng), tăng 66,1% so với năm 2020.

**+ Quản lý giá vốn, chi phí:**

Công ty có hệ thống sổ sách kế toán để hạch toán, theo dõi chặt chẽ chi phí, giá vốn theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước và của Tập đoàn.

Chi phí năm 2021 là 4.213,37 tỷ đồng bằng 60,11 % so với năm 2020 và bằng 80,35% so với kế hoạch năm 2021. Trong đó, chi phí sản xuất điện là 4.187,41 tỷ đồng.

Tổng chi năm 2021 giảm so với năm 2020 và kế hoạch. Chi phí sản xuất điện là 4.187,41 tỷ đồng giảm 40,15% so với năm 2020 và giảm 19,99% so với kế hoạch năm. Chi phí năm 2021 giảm do các nguyên nhân sau:

- Chi phí nhiên liệu giảm 24,16% so với kế hoạch năm và giảm 46,78% so với năm 2020, nguyên nhân là do sản lượng điện giảm (sản lượng điện giảm 49%, chi phí nhiên liệu giảm 24,16%). Tốc độ giảm chi phí nhiên liệu thấp hơn tốc độ giảm sản lượng, nguyên nhân do suất tiêu hao than bình quân cao hơn so với kế hoạch năm (suất tiêu hao than tiêu chuẩn 2021: 389,62, kế hoạch năm 2021: 354,68). Bên cạnh đó giá than, dầu cao hơn so với kế hoạch năm.
- Chi phí vật liệu tăng 40,79% so với kế hoạch năm và tăng 7,86% so với năm 2020. Chi phí vật liệu tăng do giá nguyên vật liệu tăng và máy móc hoạt động ít Công ty tận dụng thời gian để sửa chữa thay thế thiết bị hoạt động kém.
- Chi phí tiền lương và bảo hiểm xã hội giảm 10,79% so với kế hoạch năm và giảm 24,95% so với năm 2020. Nguyên nhân do sản lượng và lợi nhuận không đạt kế hoạch do quỹ lương bị cắt giảm so với kế hoạch.
- Chi phí khấu hao cao hơn 57,05% so với năm 2020, tăng 43,52% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân do chi phí SCL một số công trình đã ghi nhận vào chi phí năm 2019 và 2020. Năm 2021 theo kết luận của Thanh tra tỉnh Hải Dương phải thực hiện tăng tài sản những công trình này để trích khấu hao. Do vậy năm 2021 Công ty đã thực hiện tăng tài sản các công trình này và trích khấu hao theo quy định..
- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 1,06% so với năm 2020 và tăng 16,57% so với kế hoạch năm. Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng chủ yếu là do chi phí mua điện từ lưới của Tập đoàn về tăng.
- Chi phí SCL cao hơn 8,46% so với năm 2020 và giảm 11,52% so với kế hoạch năm.
- Chi phí khác bằng tiền năm 2021 giảm 13,24% so với năm 2020 và giảm 14,37% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân giảm:
  - \* Chi phí thuế tài nguyên giảm: chi phí thuế tài nguyên giảm 29,73% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân là do các tổ máy hoạt động ở mức thấp dẫn đến lượng sử dụng nước thấp.
  - \* Chi phí bằng tiền khác: giảm 14,67% so với năm 2020, giảm 6,71% so với kế hoạch năm.
  - \* Về chi phí hoạt động tài chính: Năm 2021 chi phí tài chính là -24,08 tỷ đồng giảm so với năm 2020 (6,63 tỷ đồng) tỷ đồng, giảm so với kế hoạch năm 2021 (3,9 tỷ đồng). Nguyên nhân chi phí tài chính giảm do năm 2021 Công ty thực hiện hoàn nhập chi phí dự phòng tài chính tại một số đơn vị góp vốn. Bên cạnh đó, Công ty không phát sinh đi vay do vậy không phát sinh chi phí lãi vay.
  - \* Về chi phí sản xuất khác không có biến động nhiều. Chi phí hoạt động khác là 49,09 tỷ đồng cao hơn so với kế hoạch năm (2,51 tỷ đồng). Nguyên nhân chi phí hoạt động khác là năm 2021 Công ty hạch toán các khoản thuế phải nộp, các khoản phạt

về lĩnh vực thuế theo kết luận của đoàn thanh tra tỉnh Hải Dương.

**c. Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN**

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2021 là -7,55 tỷ đồng, năm 2021 Công ty đã nộp 300,82 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước, là một trong những doanh nghiệp đứng đầu đóng góp cho ngân sách tỉnh Hải Dương; Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán thuế và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của các cơ quan thuế.

**d. Kiểm soát việc chấp hành pháp luật trong đầu tư và mua sắm**

Qua kiểm soát trực tiếp với phương pháp chọn mẫu để kiểm soát quy trình đầu tư cũng như mua sắm vật tư thiết bị và tài sản. BKS đánh giá hoạt động đầu tư, mua sắm trong năm 2021 được thực hiện theo các quy trình của Công ty cũng như tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

**e. Việc tuân thủ công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí vận hành, tối ưu hóa chi phí theo kế hoạch của Tổng công ty, áp dụng các tiêu chí KPI vào công việc, áp dụng phần mềm quản lý công việc để giám sát việc thực thi công việc, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhằm mang lại hiệu quả và năng suất lao động cao nhất cho Công ty.

**f. Tổ chức công tác kế toán**

Công ty tổ chức bộ máy kế toán thực hiện các chức năng theo quy định. Công tác kế toán đã chấp hành theo các quy định của chế độ kế toán, công tác chỉ đạo kiểm tra được chú trọng, quan tâm thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**2.4. Quản lý và điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 của BDH**

**2.4.1. Đối với công tác lập kế hoạch SXKD năm và xây dựng kế hoạch và LCNT các gói thầu phục vụ công việc vận hành và sửa chữa của Công ty**

**a. Công tác lập kế hoạch SXKD năm**

Kế hoạch SXKD hàng năm Công ty được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên và thời điểm thông qua thường là quý 2 của năm có thời điểm ĐHĐCĐ do đó sẽ ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể giúp hoàn thành kế hoạch của năm.

**b. Công tác lập kế hoạch LCNT**

Năm 2021, Công ty có 142 gói thầu (theo báo cáo của phòng Kế hoạch - Vật tư ngày 06/3/2022), trong đó (i) các gói thầu có giá trị từ 05 tỷ trở lên: 12 gói thầu, 25% gói thầu phải đấu thầu lại, 100% các gói thầu bị chậm tiến độ đánh giá thầu (từ 07 - 143 ngày), 42% các gói thầu không tuân thủ thời hạn phê duyệt KQLCNT (từ 13 - 88 ngày) và (ii) các gói thầu có giá trị dưới 05 tỷ: 130 gói thầu, 22/130 gói thầu được

BKS lựa chọn để soát xét {64% các gói thầu bị chậm tiến độ đánh giá thầu (từ 01 - 59 ngày)}. Công ty đã không tuân thủ thời hạn theo luật số 43/2013/QH13 dẫn đến việc mua sắm, cung cấp hàng hóa và vật tư thiết bị không ổn định, ảnh hưởng đến SXKD.

#### ***2.4.2. Đối với công tác quản lý vận hành, mua sắm vật tư, nguyên vật liệu phục vụ cho vận hành và thực hiện công việc SCL***

##### ***a. Công tác quản lý vận hành thiết bị***

PL1: Các sự cố về thiết bị như lò 4B phải dừng do không có trường lọc bụi; các tổ máy PL1 thường xuyên sự cố làm mất phương thức vận hành do sự cố các thiết bị trao đổi nhiệt (xì quá nhiệt, ống sinh hơi và bộ quá nhiệt) và máy nghiền than và suất hao nhiệt tăng đột biến, cao hơn suất hao nhiệt theo phương án giá điện đến 12% làm cho doanh thu không đủ bù cho chi phí. PL1 có nguy cơ phải dừng do không đáp ứng điều kiện vận hành nếu không sớm đầu tư, sửa chữa thiết bị chính như các bộ sấy không khí, hâm nước, quá nhiệt, ống đồng bình ngưng, máy nghiền và lọc bụi.

PL2: Ngoài sự cố tổ máy S6 tháng 3/2021 đến nay chưa được sửa chữa, khắc phục thì lịch đại tu tổ máy S5 cũng không thực hiện đúng theo kế hoạch làm mất đi cơ hội phát điện mùa khô và bị cắt giảm sản lượng hợp đồng và giảm doanh thu.

Bên cạnh đó, hệ thống thiết bị TU/TI có nhiều sai lệch, chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định vận hành hệ thống và thị trường điện (thời gian kiểm định quá hạn đối với TU/TI và không đủ điều kiện kiểm định do không có phê duyệt mẫu).

##### ***b. Công tác mua sắm vật tư, nguyên vật liệu phục vụ vận hành***

Năm 2021 công tác mua sắm vật tư nguyên vật liệu phục vụ vận hành thường xuyên không đáp ứng theo yêu cầu của sản xuất, các gói thầu mua bi nghiền than, vật liệu phụ, vật tư cho SCTX... đều chậm hoặc bị hủy do không chọn được nhà thầu cung cấp; các hợp đồng không được ký kết do đó để đáp ứng nhu cầu sản xuất điện Công ty đã phải vay hoặc tạm ứng vật liệu của các nhà cung cấp truyền thống để đáp ứng nhu cầu cho sản xuất hàng tháng. Đây chỉ là biện pháp xử lý tình huống không đảm bảo tính ổn định, do đó Công ty phải thường xuyên phân tích tình hình cung ứng, sử dụng, dự trữ vật tư, nguyên vật liệu để kịp thời nắm bắt những vấn đề nảy sinh trong công tác quản lý vật tư, nguyên vật liệu để kịp thời có giải pháp điều chỉnh phù hợp.

##### ***c. Công tác quản lý vật liệu phụ tùng thiết bị tồn kho vận hành***

Vật liệu phụ tùng thiết bị tồn kho cho năm kết thúc ngày 31/12/2021 giảm 28,17% (đầu năm là 696,96 tỷ đồng, cuối kỳ là 500,64 tỷ đồng). Hàng tồn kho tổng giá trị giảm so với đầu năm chủ yếu do giá trị than giảm do lượng than trong nước đang giảm do vậy không đủ hàng để nhập dự phòng.

**d. Công tác SCL các thiết bị theo kế hoạch**

Chu kỳ đại tu tổ máy S2 năm 2021 và S5 năm 2020 đã không thể thực hiện được mà phải kéo dài chu kỳ đại tu thêm 01 năm so với kế hoạch ban đầu. Gói thầu đại tu lò hơi số 5 (~75 tỷ đồng), bao gồm cung cấp VTTB và nhân công đại tu nhiều hạng mục khác nhau nên có rất ít nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực tham dự thầu dẫn đến đấu thầu không thành công (hủy thầu 02 lần, chuyển tiếp từ năm 2020 sang năm 2021). Bên cạnh đó, việc đại tu tổ máy S5 vẫn bị chuyển lịch sửa chữa không đúng kế hoạch làm ảnh hưởng đến doanh thu (lịch theo kế hoạch đăng ký với A0 là 01/7 - 31/8/2020 nhưng thực hiện từ 13/10 - 13/12/2021 là mùa khô).

**e. Thực hiện việc tuân thủ và chấp hành các quy định về môi trường của Công ty trong năm 2021**

Hệ thống lọc bụi tĩnh điện (EPS) PL1 đưa vào vận hành trên 30 năm, nhiều năm qua đã không được sửa chữa do chờ để thực hiện đồng bộ với các dự án nâng cấp khí thải. Đến thời điểm này các bộ ESP đã bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng như các tấm cực lắng bị mòn thủng, thanh cực phóng bị đứt, búa gõ cực lắng/phóng đã mòn và gãy chân, hệ thống điện bị hư hỏng, ... nên các hệ thống ESP PL1 gần như không hoạt động khiến PL1 đang vi phạm nghiêm trọng về phát thải bụi nên có thể bị cơ quan quản lý Nhà nước xử phạt hành chính và yêu cầu đóng cửa bất cứ lúc nào gây ảnh hưởng đến công tác SXKD của Công ty. Để hạn chế phát thải bụi, trong khi chờ ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về bụi, khí thải công nghiệp (dự thảo 08.07.2021 thay thế Quy chuẩn số QCVN 22: 2009/BTNMT), Công ty cần quan tâm để duy trì vận hành các tổ máy PL1, việc sửa chữa các hệ thống EPS PL1 nên bố trí trong kế hoạch SCL năm 2022 và các thời gian tiếp theo mức độ nguy cơ từ cao xuống thấp, cụ thể:

Lò	Đánh giá mức độ nguy cơ
4B	Đang dừng do không có trường lọc bụi
1A, 2A và 3B	Nguy cơ mất phương thức do lọc bụi rất cao
1B, 2B và 4A	Rủi ro khi vận hành dài ngày
3A	Thiết bị vận hành ổn định

**2.5. Chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính năm 2021**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2021
1. Các chỉ tiêu về tình hình và khả năng thanh toán			
1.1. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	5,68	4,19



1.2. Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,39	1,92
1.3. Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,36	0,89
2. Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn và tài sản			
2.1. Nợ phải trả trên tổng tài sản	%	10,37	10,91
2.2. Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	89,63	89,09
2.3. Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	lần	11,56	12,24
2.4. Tài sản lưu động trên tổng tài sản	%	58,88	45,68
2.5. Tài sản cố định trên tổng tài sản	%	41,12	54,32
3. Các chỉ tiêu về lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn			
3.1. Hệ số sinh lợi của doanh thu	%	12,75	5,58
3.2. Hệ số sinh lợi của tài sản	%	0,14	0,03
3.3. Hệ số sinh lợi vốn chủ sở hữu	%	0,16	0,04

Căn cứ vào các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2021 cho thấy tình hình tài chính của Công ty giữ được sự ổn định, khả năng thanh toán của Công ty được đảm bảo.

- + Chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn 1 cho thấy tài sản ngắn hạn của Công ty đủ khả năng đáp ứng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.
- + Chỉ tiêu nợ phải trả trên tổng tài sản giảm so với cùng kỳ năm trước và nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là thấp hơn 3 lần đảm bảo ổn định an toàn tài chính, giảm dần được các khoản nợ phải trả, trong đó có các khoản nợ vay dài hạn.
- + Các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lợi của Công ty tăng so với cùng kỳ năm trước cho thấy hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và bảo toàn vốn được đảm bảo.

## **PHẦN II**

### **KIẾN NGHỊ, KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022**

#### **I. KIẾN NGHỊ**

BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của điều lệ Công ty trong việc kiểm soát và giám sát hoạt động của HĐQT thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, sau khi thực hiện việc kiểm soát, BKS có một số kiến nghị với BDH Công ty như sau:

##### **1.1. Công tác sửa chữa khắc phục sự cố tổ máy S6**

Sự cố tổ máy S6 ngày 16/3/2021, đến thời điểm hiện tại (~ 1,1 năm) công tác khắc phục sự cố tổ máy S6 vẫn đang trong quá trình LCNT. Tổng công ty, Tập đoàn và Bộ Công thương đã có nhiều văn bản nhắc nhở, chỉ đạo và yêu cầu Công ty đẩy nhanh tiến độ sửa chữa tổ máy S6, phía BDH cũng đã đưa ra nhiều mốc tiến độ hoàn thành (gần đây nhất là trước ngày 01/9/2021). Tuy nhiên, ở thời điểm báo cáo, quá trình LCNT vẫn đang ở giai đoạn trình HĐQT Công ty xem xét kết quả đánh giá hồ sơ kỹ thuật, chưa mở hồ sơ đề xuất tài chính. Như vậy, gói thầu có thời điểm đóng/mở thầu là ngày 24/01/2022, Bên mời thầu được đánh giá hồ sơ dự thầu đến hết ngày 30/4/2022 (luật số 43/2013/QH13). Căn cứ vào hiện trạng công việc, BKS kiến nghị Công ty khẩn trương phê duyệt kết quả LCNT, bám sát kế hoạch sửa chữa đã đề ra trước đó, nhanh nhất có thể để đưa tổ máy S6 vào hoạt động trở lại góp phần mang lại lợi ích lớn cho Công ty, ổn định nguồn điện quốc gia trong bối cảnh phụ tải/nhu cầu tiêu thụ điện của nền kinh tế đang tăng trưởng trở lại.

##### **1.2. Chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật:**

Để đạt được các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, đặc biệt là suất hao nhiệt. BKS kiến nghị Công ty đầu tư, sửa chữa các hệ thống thiết bị chính như các bộ sấy không khí, hâm nước, quá nhiệt, ống đồng bình ngưng, máy nghiền và lọc bụi để mang lại hiệu quả cao hơn (đối với các tổ máy PL1 trong giai đoạn hiện nay). Việc xây dựng kế hoạch SCL thiết bị nên căn cứ vào sản lượng điện năng phát bình quân trong một chu kỳ (với PL1 là 4 năm) để phân bổ giá trị SCL vào các năm theo chi phí đã được xây dựng trong phương án giá điện, có như vậy mới đảm bảo được tổ máy vận hành ổn định, hiệu quả và dài hạn. Tùy theo tình trạng thiết bị và lịch sửa chữa để xây dựng tổng sản lượng kế hoạch năm mà vẫn đảm bảo phân bổ chi phí SCL theo đúng phương án giá điện theo sản lượng điện năng phát bình quân trong một chu kỳ. Trong cách nhìn sinh lời ngắn hạn sẽ dẫn đến rủi ro mất khả dụng tổ máy trong 1 - 2 năm tiếp theo.

##### **1.3. Công tác tài chính kế toán:**

Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý Tài chính Công ty: (i) cần có quy định về mức tồn tiền mặt hàng ngày tối đa tại Công ty, kiến nghị từ 50 - 100 triệu đồng và BKS sẽ chứng kiến, xác nhận vào bản kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng; (ii) quy định thời

gian hoàn ứng, kiến nghị chậm nhất 07 ngày sau khi hoàn tất công việc và không quá 30 ngày từ ngày tạm ứng; (iii) việc chi trả cho người lao động qua ngân hàng.

#### **1.4. Công tác quản lý thực hiện hợp đồng:**

Về bảo hiểm (điều kiện cụ thể của hợp đồng): cần phải có hồ sơ minh chứng cho việc nhà thầu đã mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3 cho các rủi ro của nhà thầu ... kể từ ngày khởi công/hợp đồng có hiệu lực

Về lý do/điều kiện ký kết phụ lục bổ sung: đối các hợp đồng cung cấp, bên cạnh văn bản đề nghị của nhà thầu, cần phải có thêm thư/văn bản xác nhận của nhà sản xuất trong các trường hợp “không có sẵn hàng”, “sản xuất theo đơn đặt hàng với số lượng tối thiểu ...”, ... để đảm bảo tính khách quan giữa Các Bên.

Về thời gian thực hiện hợp đồng: các điều khoản và điều kiện của hợp đồng cần quy định rất cụ thể, rõ ràng về điều kiện kết thúc hợp đồng (đặc biệt đối với các hợp đồng cung cấp), không để hợp đồng kéo dài vô thời hạn (có thể là chủ ý của một trong Các Bên).

#### **1.5. Công tác quản trị Công ty:**

Năm 2021, Công ty đã thực hiện rà soát, hệ thống hóa, sáp nhập, sửa đổi bổ sung và ban hành 90 tài liệu, trong đó 19 QCQLNB và 71 tài liệu nội bộ. Đề nghị Công ty tiếp tục rà soát và trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt danh mục QCNB để tiếp tục tinh gọn, trên cơ sở đó tiến hành sửa đổi, hiệu chỉnh bổ sung theo đúng tiến độ đã đề ra.

#### **1.6. Quản lý đầu tư tài chính:**

BĐH cần tiếp tục thực hiện các biện pháp để thu hồi khoản công nợ còn lại (phần phát sinh) tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt.

#### **1.7. Các nội dung khác:**

- + Đấu thầu mua sắm than để chủ động về nguồn cung cấp than phục vụ cho sản xuất điện theo đúng tinh thần của Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.
- + Thực hiện các giải pháp để tăng cường việc giám sát, kiểm soát các tàu vận chuyển than (nghiên cứu lắp định vị, camera giám sát, thuê đơn vị độc lập về quản lý hàng hải hỗ trợ giám sát, ...).
- + Sửa chữa, lắp đặt bổ sung các camera giám sát các khu vực bốc/dỡ nhiên liệu (than, dầu) tại cảng và các cân đường sắt.
- + Nghiên cứu, lắp đặt hệ thống đo chất lượng than online để giám sát được chất lượng than cho tất cả các tổ máy.
- + Kiểm/Giám định (dung tích) các bể chứa dầu FO PL1 và PL2.
- + Kết luận thanh tra số 1141/KL-TT ngày 14/12/2021 của Thanh tra tỉnh Hải Dương:

- Hoàn thiện các thủ tục đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương điều chỉnh diện tích đất đã thu hồi 2.879 m<sup>2</sup> tại Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.
- Hoàn thành việc lắp đặt các thiết bị quan trắc để thực hiện việc quan trắc, giám sát lưu lượng khai thác nước sông Thái Bình.
- Có kế hoạch, giải pháp cụ thể đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho 147 người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Lao động trong giai đoạn năm 2019 - 01/3/2021 (có xác nhận giữa Công ty và người lao động, gửi bản sao cho BKS Công ty).
- Bố trí nghỉ bù những ngày chưa nghỉ phép năm 2019 - 01/3/2021 cho 147 người lao động theo quy định tại Điều 114 Bộ luật Lao động (có xác nhận giữa Công ty và người lao động, gửi bản sao cho BKS Công ty).

## II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NĂM 2022

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

TT	Nội dung kiểm soát	Thời gian dự kiến	Thực hiện
<b>1</b>	<b>Đợt 1: Thẩm tra Báo cáo tài chính (BCTC) cho năm kết thúc ngày 31/12/2021</b>	<b>3/2022</b>	<b>Thành viên BKS</b>
1.1	Soát xét BCTC năm 2021 theo chuẩn mực.		
1.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2021.		
1.3	Kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và thực hiện hợp đồng năm 2021.		
<b>2</b>	<b>Đợt 2: Kiểm soát Quý 1/2022</b>	<b>4/2022</b>	<b>Thành viên BKS</b>
2.1	Soát xét BCTC Quý 1/2022 theo chuẩn mực		
2.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.		
2.3	Rà soát tính phù hợp pháp luật của các QCQLNB trong Công ty.		
2.4	Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của nhà nước trong công tác mua sắm, quản lý và sử dụng nhiên liệu.		
<b>3</b>	<b>Đợt 3: Kiểm soát Quý 2/2022</b>	<b>7/2022</b>	<b>Thành viên BKS</b>
3.1	Soát xét BCTC Quý 1/2022 theo chuẩn mực.		
3.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.		
3.3	Rà soát tính phù hợp pháp luật của các QCQLNB		

	trong Công ty.		
3.4	Kiểm tra việc tuân thủ quy định và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.		
3.5	Kiểm tra công tác sửa chữa tài sản cố định của Công ty.		
<b>4</b>	<b>Đợt 4: Kiểm soát Quý 3/2022</b>	<b>10/2022</b>	<b>Thành viên BKS</b>
4.1	Soát xét BCTC Quý 1/2022 theo chuẩn mực.		
4.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.		
4.3	Rà soát tính phù hợp pháp luật của các QCQLNB trong Công ty.		
4.4	Kiểm tra việc tuân thủ quy định trong công tác mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất điện.		
4.5	Giám sát, đánh giá HĐQT, Tổng Giám đốc, NĐDPV trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty.		
4.6	Giám sát tổ chức thực hiện các dự án đầu tư.		
<b>5</b>	<b>Tổng kết báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát năm 2022 và kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm soát năm 2023 của BKS Công ty: Lập báo cáo gửi các cổ đông của Công ty.</b>	<b>12/2022</b>	<b>Trưởng BKS</b>

### III. ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2022

BKS kiến nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Trên đây là toàn bộ các ý kiến báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2021 và kế hoạch thực hiện kiểm soát năm 2022. BKS xin báo cáo ĐHĐCĐ thường niên Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Ngô Nguyên Đồng**